

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban¹Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và điều chỉnh lần thứ 8 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 2.256.592.103.444 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 117 người (năm 2017 là 117 người).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Hoàng Xuân Thành
Ông Lê Xuân Tùng
Ông Trịnh Bảo Ngọc
Ông Lê Thanh Nghị
Ông Nguyễn Xuân Sơn
Ông Lê Hải Long
Ông Vũ Văn Tâm

Chức vụ:

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19/04/2018) (i)
Chủ tịch (kể từ ngày 19/04/2018) (i)
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018) (i)
Ủy viên
Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018) (i)
Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018) (i)
Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018) (i)
Ủy viên (kể từ ngày 19/04/2018) (i)

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số: 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018 và biên bản họp Hội đồng quản trị số: 20/BB-HHC-HĐQT ngày 19/04/2018 V/v: Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na nhiệm kỳ 2018-2013.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc
Ông Trần Văn Biên
Ông Bùi Huy Thành
Ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ:

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Võ Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Ông Lê Hải Long

Ông Bùi Huy Thành

Bà Trần Thị Thu Hà

Ông Văn Tuấn Thạc

Bà Phạm Thị Minh Tâm

Chức vụ:

Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)

Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2018)

Trưởng ban (kể từ ngày 19/04/2018)

Thành viên

Thành viên (kể từ ngày 19/04/2018)

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 được bổ nhiệm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số: 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018 và biên bản họp Ban Kiểm soát số 02/BB-HHC-BKS ngày 19/04/2018.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Trịnh Bảo Ngọc

Số: 11/2019/BCKT/PKF-NHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na được lập ngày 04 tháng 03 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin được lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến mục 7.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 362.743.096.925 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 621.063.415.966 đồng, theo đó, nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 258.320.319.041 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng bằng các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, Công ty có thể tạo ra và bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác khi đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tại Thuyết minh số 5.14 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" (mã số 414) trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD), kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		362.743.096.925	259.358.565.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	149.539.905.743	190.207.431.637
1. Tiền	111		32.181.882.246	69.432.883.327
2. Các khoản tương đương tiền	112		117.358.023.497	120.774.548.310
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.000.000.000	5.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.033.294.398	61.139.553.018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	134.826.960.210	52.906.810.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.265.057.529	4.759.297.128
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.941.276.659	3.473.445.450
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	19.094.151.105	3.011.581.323
1. Hàng tồn kho	141		19.094.151.105	3.011.581.323
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.745.679	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.745.679	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.345.031.413.947	4.602.252.607.075
II. Tài sản cố định	220	5.7	4.143.163.240.616	4.402.173.644.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.143.163.240.616	4.402.173.644.923
- Nguyên giá	222		5.670.260.285.860	5.666.686.174.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.527.097.045.244)	(1.264.512.529.544)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.363.011.101	190.365.121.132
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	193.363.011.101	190.365.121.132
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.505.162.230	9.713.841.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	407.593.789	1.296.889.333
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.097.568.441	8.416.951.687
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.707.774.510.872	4.861.611.173.053

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.241.730.771.634	2.609.571.653.422
I. Nợ ngắn hạn	310		621.063.415.966	545.916.722.691
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	81.552.258.752	111.261.103.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		170.213.022	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	20.144.182.276	8.474.883.607
4. Phải trả người lao động	314		10.182.256.584	7.958.450.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	24.772.134.882	19.324.370.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	23.019.164.498	10.490.812.450
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	459.379.893.124	388.383.720.826
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.843.312.828	23.381.418
II. Nợ dài hạn	330		1.620.667.355.668	2.063.654.930.731
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	275.500.000	306.580.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.620.391.855.668	2.063.348.350.731
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.466.043.739.238	2.252.039.519.631
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	2.466.043.739.238	2.252.039.519.631
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.673.153.617	(75.331.065.990)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.321.670.157)	(91.214.769.906)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		215.994.823.774	15.883.703.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.707.774.510.872	4.861.611.173.053

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Trung Chính

GIÁM ĐỐC



Trịnh Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	875.057.646.614	653.292.086.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		875.057.646.614	653.292.086.795
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	419.698.529.739	386.791.143.899
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		455.359.116.875	266.500.942.896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.364.044.959	3.072.956.372
7. Chi phí tài chính	22	6.4	216.682.067.042	232.566.779.120
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		210.521.645.223	232.566.779.120
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	25.527.286.984	20.756.368.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		220.513.807.808	16.250.751.916
11. Thu nhập khác	31		813.054.067	2.952.000
12. Chi phí khác	32		184.385.924	370.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		628.668.143	(367.048.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		221.142.475.951	15.883.703.916
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	3.726.402.177	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217.416.073.774	15.883.703.916
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	957	62
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.7	957	62

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính

Trịnh Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	221.142.475.951	15.883.703.916
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	263.562.442.692	267.555.134.657
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.505.195.867)	(3.072.956.372)
- Chi phí lãi vay	06	210.521.645.223	232.566.779.120
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	687.721.367.999	512.932.661.321
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(90.969.487.059)	1.669.130.178
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.763.186.536)	(3.011.581.323)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	24.201.345.243	958.240.655
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	889.295.544	4.505.990.049
- Tiền lãi vay đã trả	14	(203.034.815.144)	(227.815.942.047)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(680.941.294)	(148.439.655)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	163.657.299
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	2.343.139.297	(182.101.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	404.706.718.050	289.071.614.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.375.102.981)	(135.301.932.753)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	141.150.908	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.820.030.894	2.077.448.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(73.413.921.179)	(128.224.484.058)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.423.398.061	140.839.472.550
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(378.383.720.826)	(231.177.311.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(371.960.322.765)	(90.337.839.008)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(40.667.525.894)	70.509.291.512
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	190.207.431.637	119.698.140.125
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	149.539.905.743	190.207.431.637

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Võ Trung Chính



Trịnh Bảo Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hũa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 2.256.592.103.444 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hũa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hũa Na có trụ sở tại: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 117 người (năm 2017: 117 người).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm

2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: chi phí sửa chữa bảo dưỡng nhà máy, chi phí hội thảo, dịch vụ quản lý, thiết bị vật tư và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm : chi phí bảo hiểm, lãi vay dự trả, chi phí phải trả các nhà thầu,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia. Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước theo hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HĐ-NMĐ ngày 30/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	172.069.502	100.742.150
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.009.812.744	69.332.141.177
Các khoản tương đương tiền (*)	117.358.023.497	120.774.548.310
Cộng	149.539.905.743	190.207.431.637

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực VN	134.763.945.810	52.906.810.440
Phải thu khách hàng khác	63.014.400	-
Cộng	134.826.960.210	52.906.810.440

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	2.320.804.000	2.320.804.000
Doanh nghiệp tư nhân Thạch Phát	-	841.120.828
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật ĐLDK Việt Nam	42.847.144	171.231.898
Các đối tượng khác	3.901.406.385	1.426.140.402
Cộng	6.265.057.529	4.759.297.128

5.4. Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	10.941.276.659	3.473.445.450
Tạm ứng	53.546.317	584.424.155
Lãi dự thu	898.903.769	389.723.367
Hội đồng Bồi thường và TĐC Công trình thủy điện Hủa Na	831.723.620	1.986.507.811
Phải thu khác	9.157.102.953	512.790.117
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.941.276.659	3.473.445.450

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.094.151.105	-	3.011.581.323	-
Cộng	19.094.151.105	-	3.011.581.323	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	407.593.789	1.296.889.333
Thiết bị, vật tư và chi phí khác	407.593.789	1.296.889.333
Cộng	407.593.789	1.296.889.333

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	4.312.817.934.454	1.342.096.993.919	7.375.940.420	4.395.305.674	5.666.686.174.467
Mua sắm mới	-	586.249.500	2.314.600.000	694.846.835	3.595.696.335
XDCB hoàn thành bàn giao	1.116.329.094	-	-	-	1.116.329.094
Thanh lý, nhượng bán	-	(268.210.400)	(869.703.636)	-	(1.137.914.036)
Số dư cuối năm	4.313.934.263.548	1.342.415.033.019	8.820.836.784	5.090.152.509	5.670.260.285.860
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	905.057.233.721	348.836.895.753	7.223.043.440	3.395.356.630	1.264.512.529.544
Khấu hao trong năm	173.030.468.333	89.794.297.849	170.940.904	577.640.363	263.573.347.449
Thanh lý, nhượng bán	-	(119.128.113)	(869.703.636)	-	(988.831.749)
Số dư cuối năm	1.078.087.702.054	438.512.065.489	6.524.280.708	3.972.996.993	1.527.097.045.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	3.407.760.700.733	993.260.098.166	152.896.980	999.949.044	4.402.173.644.923
Số dư cuối năm	3.235.846.561.494	903.902.967.530	2.296.556.076	1.117.155.516	4.143.163.240.616

Trong đó:

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.831.412.887 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 15.463.370.705 VND).

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Chi phí xây dựng công trình thủy điện Hủa Na	19.286.269.449	24.509.238.768
Chi phí thiết bị	422.946.649	422.946.649
Chi phí XD/CB khác	173.345.354.731	158.676.234.481
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	308.440.272	6.756.701.234
Cộng	193.363.011.101	190.365.121.132

5.9. Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	81.552.258.752	81.552.258.752	111.261.103.681	111.261.103.681
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na - Tổng Công ty Sông Đà	46.480.885.494	46.480.885.494	54.980.885.494	54.980.885.494
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1	87.778.000	87.778.000	5.311.234.892	5.311.234.892
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.226.382.739	20.226.382.739	32.300.822.607	32.300.822.607
Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam	2.776.464.000	2.776.464.000	-	-
Công ty CP DV kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	195.357.355	195.357.355	4.088.834.164	4.088.834.164
Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.646.438	12.646.438	12.646.438	12.646.438
Các đối tượng khác	11.772.744.726	11.772.744.726	14.566.680.086	14.566.680.086
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	81.552.258.752	81.552.258.752	111.261.103.681	111.261.103.681

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	01/01/2018 (VND)	Phát sinh trong năm		31/12/2018 (VND)
		Số phải nộp (VND)	Số đã nộp (VND)	
Thuế giá trị gia tăng	2.038.515.253	81.333.247.249	83.228.062.033	143.700.469
- Thuế GTGT đầu ra	2.038.515.253	81.333.247.249	83.228.062.033	143.700.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.726.402.177	680.941.294	3.045.460.883
Thuế thu nhập cá nhân	50.313.611	699.679.639	529.032.874	220.960.376
Thuế tài nguyên	-	70.036.843.602	70.036.843.602	-
Tiền thuê đất	-	1.278.000	1.278.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	3.620.629.400	29.306.673.288	27.725.409.140	5.201.893.548
Các loại thuế khác	2.765.425.343	8.769.741.657	3.000.000	11.532.167.000
Cộng	8.474.883.607	193.873.865.612	182.204.566.943	20.144.182.276

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo Quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.11. Chi phí phải trả

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	24.772.134.882	19.324.370.363
Chi phí bảo hiểm	907.718.200	879.620.745
Lãi vay dự trả	20.862.466.406	13.375.636.327
Chi phí phải trả các nhà thầu	2.480.756.006	4.411.042.291
Chi phí phải trả khác	521.194.270	658.071.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	24.772.134.882	19.324.370.363

5.12. Phải trả khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	23.019.164.498	10.490.812.450
Kinh phí công đoàn	51.943.629	13.568.153
Đoàn phí công đoàn	21.338.016	10.622.692
Thuế tài nguyên, thuế VAT và tiền môi trường rừng tạm tính chưa kê khai (*)	10.174.960.896	10.281.321.535
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	151.911.670	185.300.070
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.619.010.287	-
b) Dài hạn	275.500.000	306.580.000
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	275.500.000	306.580.000
Cộng	23.294.664.498	10.797.392.450

(*) Tại ngày 31/12/2018, số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An, Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng phản ánh khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường mà Công ty tạm tính tương ứng với doanh thu phát điện lưới tháng 12/2018 nhưng chưa đến kỳ kê khai, nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An, Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018 (VND)		Trong năm		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	6.423.398.061	6.423.398.061	6.423.398.061	6.475.333.218	6.475.333.218	6.475.333.218
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh	6.423.398.061	6.423.398.061	6.423.398.061	6.475.333.218	6.475.333.218	6.475.333.218
b) Vay dài hạn đến hạn trả	452.956.495.063	452.956.495.063	442.956.495.063	371.908.387.608	381.908.387.608	381.908.387.608
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam- CN Nghệ An	331.250.816.503	331.250.816.503	331.250.816.503	308.079.364.000	308.079.364.000	308.079.364.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	33.253.678.560	33.253.678.560	33.253.678.560	12.877.023.608	12.877.023.608	12.877.023.608
- Ngân hàng TMCP An Bình-CN Hà Nội	52.500.000.000	52.500.000.000	42.500.000.000	15.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	459.379.893.124	459.379.893.124	449.379.893.124	378.383.720.826	388.383.720.826	388.383.720.826

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

	31/12/2018 (VND)		Trong năm		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (1)	833.008.926.076	833.008.926.076	-	331.250.816.503	1.164.259.742.579	1.164.259.742.579
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	161.799.118.976	161.799.118.976	-	35.952.000.000	197.751.118.976	197.751.118.976
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	260.599.250.616	260.599.250.616	-	33.253.678.560	293.852.929.176	293.852.929.176
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	364.984.560.000	364.984.560.000	-	42.500.000.000	407.484.560.000	407.484.560.000
Cộng	1.620.391.855.668	1.620.391.855.668	-	442.956.495.063	2.063.348.350.731	2.063.348.350.731

(1): Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng công trình thủy điện Hủa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2022 (Phụ lục số 23/2014/HĐSĐBSTĐĐT-NHPT ngày 25/8/2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSĐ-BS-NHPT-NAN ngày 28/4/2017), chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 19 tháng 10 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 411 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án xây dựng công trình thủy điện Hủa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến tháng 02 năm 2018 (Phụ lục số 23/2014/HĐSĐBSTĐĐT-NHPT ngày 25/8/2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSĐ-BS-NHPT-NAN ngày 28/4/2017), chịu lãi suất thỏa thuận cố định 15,6%/năm. Ngày 03 tháng 2 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐTĐĐT-NHPT-NAN điều chỉnh mức lãi suất này về 11%/năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

(2): Ngày 05 tháng 3 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na công suất 180MW. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371,216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2024, chịu lãi suất cơ sở cộng 4,5%/năm (9,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

(3): Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với tổng số tiền cho vay vốn là 328,784 tỷ VND. Các khoản vay được Công ty dùng để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực (không bao gồm thuế giá trị gia tăng và lãi vay trong thời gian xây dựng) của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tham chiếu cộng 4,2%/năm (ngày 26 tháng 5 năm 2015 áp dụng biên độ tối thiểu 3%/năm) nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung dài hạn tối thiểu của các bên cho vay (10,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả hàng quý. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

(4): Ngày 17 tháng 12 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 200 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biên độ 4,2%/năm (ngày 19 tháng 6 năm 2015 áp dụng biên độ tối thiểu 3%/năm) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (9,7%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018), lãi vay trả 6 tháng/lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

Ngày 21 tháng 01 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 300 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng lên sau điều chỉnh Tổng mức đầu tư của dự án nhà máy thủy điện Hủa Na, cụ thể: chi phí xây dựng, thiết bị; Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Tái định cư của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả thành 20 kỳ, bắt đầu từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026, gốc và lãi vay trả 6 tháng/lần, lãi suất năm thứ nhất: 7%/năm; Năm thứ 2: bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biên độ 1,5%/năm; Năm thứ 3: bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biên độ 2,2%/năm (9,07%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018). Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP để bảo đảm cho khoản vay này.

5.14. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2017	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715
Lãi trong năm	-	-	-	15.883.703.916	15.883.703.916
Số dư tại ngày 01/01/2018	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(75.331.065.990)	2.252.039.519.631
Lãi trong năm	-	-	-	217.416.073.774	217.416.073.774
Trích quỹ khen thưởng				(3.411.854.167)	(3.411.854.167)
Số dư tại ngày 31/12/2018	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	138.673.153.617	2.466.043.739.238

Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: "... Công ty được hạch toán giảm chi phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...". Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" của bảng cân đối kế toán, với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 64,9 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc trình bày nêu trên mặc dù khác biệt với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nhưng phù hợp với hoạt động của Công ty và đã được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN**5.14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 ngày 29 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Chủ sở hữu/Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8		Vốn đã góp	Vốn đã góp
	(VND)	%	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	1.898.727.600.000
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,86%	87.200.273.444	87.200.273.444
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	5,12%	115.500.000.000	115.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,65%	105.000.000.000	105.000.000.000
Các cổ đông khác	50.164.230.000	2,23%	50.164.230.000	50.164.230.000
Cộng	2.256.592.100.000	100%	2.256.592.103.444	2.256.592.103.444

Cổ phiếu

Toàn bộ 225.659.210 cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, đang được lưu hành, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu điện phát lưới	875.057.646.614	653.292.086.795
Cộng	875.057.646.614	653.292.086.795

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Giá vốn phát điện	419.698.529.739	386.791.143.899
Cộng	419.698.529.739	386.791.143.899

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi	7.364.044.959	3.072.956.372
Cộng	7.364.044.959	3.072.956.372

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
- Lãi tiền vay	210.521.645.223	232.566.779.120
- Chi phí tài chính khác	6.160.421.819	-
Cộng	216.682.067.042	232.566.779.120

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	13.402.814.204	12.518.293.212
Chi phí vật liệu quản lý	620.581.255	639.090.859
Chi phí khấu hao TSCĐ	916.255.327	1.150.336.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.121.683.103	1.102.333.962
Chi phí khác bằng tiền	8.465.953.095	5.346.314.090
Cộng	25.527.286.984	20.756.368.232

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	221.142.475.951	15.883.703.916
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau	147.059.005.196	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	444.572.783	-
Thu nhập tính thuế	74.528.043.538	-
Thuế suất được ưu đãi	5%	5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp từ các năm trước (*)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.726.402.177	-

(*): Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho 09 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Trong năm 2018, Công ty có số lỗ còn được chuyển từ các kỳ trước sang là: 147.059.005.196 đồng, các khoản chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN năm 2018 là: 444.572.783 đồng, thu nhập tính thuế là: 74.528.043.538 đồng. Thuế TNDN tạm tính năm 2018 là: 3.726.402.177 đồng.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 – DN

6.7 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	217.416.073.774	15.883.703.916
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.421.250.000	1.990.604.167
Lãi/lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	215.994.823.774	13.893.099.749
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	225.659.210	225.659.210
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	957	62

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận năm 2017 là 1.990.604.167 đồng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 21/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 19/04/2018.

Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận năm 2018 là 1.421.250.000 đồng theo Quyết định Hội đồng quản trị Số 97/QĐ-HHC-HĐQT ngày 12/11/2018.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.702.157.908	7.065.218.761
Chi phí nhân công	29.970.854.574	28.297.669.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.562.442.692	267.555.134.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.198.167.624	18.701.785.063
Chi phí thuế tài nguyên và môi trường rừng	107.389.475.172	74.702.647.173
Chi phí khác (tất cả các chi phí khác ngoài 5 loại trên)	15.402.718.753	11.225.057.185
Cộng	445.225.816.723	407.547.512.131

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là phát điện lưới, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh tại khu vực Nghệ An nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.2 Thông tin hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 362.743.096.925 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 621.063.415.966 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 258.320.319.041 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng bằng các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, Công ty có thể tạo ra và bố trí đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác khi đến hạn.

7.3 Thông tin về các bên có liên quanCác bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các Quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 31/12/2018, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Việt Nam	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Phí bảo lãnh	6.160.421.819	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	6.160.421.819	-
Trả vốn vay	12.877.023.608	9.177.023.608
Ngân hàng TMCP Quân đội	12.877.023.608	9.177.023.608
Mua hàng	3.551.951.917	12.239.529.312
Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	3.551.951.917	12.239.529.312

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2018 như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Các khoản vay	293.852.929.176	306.729.952.784
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	293.852.929.176	306.729.952.784
Các khoản phải trả	20.434.386.532	36.402.303.209
Công ty CP Dịch vụ Kỹ Thuật Điện lực Dầu khí	195.357.355	4.088.834.164
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.226.382.739	32.300.822.607
Công ty CP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.646.438	12.646.438

Thu nhập của các thành viên của HĐQT/HĐTV, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc/Tổng giám đốc:

Nội dung	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	4.905.286.329	3.253.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 – DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, trong đó có một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố theo Kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính, Các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Chi tiết số liệu điều chỉnh hồi tố cho một số chỉ tiêu được trình bày chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2017 trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND
				Số liệu tại ngày 01/01/2018 trên báo cáo tài chính năm nay
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	50.141.385.097	2.765.425.343	52.906.810.440
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.064.127.657	409.317.793	3.473.445.450
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(2.320.804.000)	2.320.804.000	-
Tài sản cố định hữu hình	221	4.485.866.214.190	(83.692.569.267)	4.402.173.644.923
<i>Nguyên giá</i>	222	5.754.040.117.609	(87.353.943.142)	5.666.686.174.467
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223	(1.268.173.903.419)	3.661.373.875	(1.264.512.529.544)
Chi phí XD cơ bản dở dang	242	119.578.756.653	70.786.364.479	190.365.121.132
Nguồn vốn				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	129.485.440.210	(18.224.336.529)	111.261.103.681
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	4.052.700.398	4.422.183.209	8.474.883.607
Phải trả ngắn hạn khác	319	10.531.013.847	(40.201.397)	10.490.812.450
LN sau thuế chưa phân phối	412	(81.762.763.055)	6.431.697.065	(75.331.065.990)
<i>LN sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	(91.214.769.906)	-	(91.214.769.906)
<i>LN sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khoản mục	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND
				Số so sánh trên báo cáo tài chính năm nay
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	650.526.661.452	2.765.425.343	653.292.086.795
Giá vốn hàng bán	11	388.136.611.621	(1.345.467.722)	386.791.143.899
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.077.172.232	(2.320.804.000)	20.756.368.232
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.819.054.851	6.431.697.065	16.250.751.916
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	20	62

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Điều chỉnh hồi tố	Đơn vị tính: VND
				Số so sánh trên báo cáo tài chính năm nay
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.452.006.851	6.431.697.065	15.883.703.916
2. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	271.216.508.532	(3.661.373.875)	267.555.134.657
3. Các khoản dự phòng	03	2.320.804.000	(2.320.804.000)	-
4. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.843.873.314	(3.174.743.136)	1.669.130.178
5. Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.766.983.291)	2.725.223.946	958.240.655

Nghệ An, ngày 04 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Trung Chính

GIÁM ĐỐC

Trịnh Bảo Ngọc